

<p align="center">PHỤ LỤC DANH MỤC (Kèm theo văn bản chào giá số /BVĐK2 VTTBYT ngày /3/2026 của Bệnh viện Đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai)</p>						
<p align="center">Thiết bị y tế, Vật tư xét nghiệm, Hóa chất xét nghiệm năm 2026-2027</p>						
<p align="center"><i>(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /BVĐK2-VTTBYT ngày / /2026 của Bệnh viện Đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai)</i></p>						
STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Phần 1: Nẹp vít răng hàm mặt các loại					
1	Nẹp mini 6 lỗ bắc cầu	- Độ dày nẹp 1.0mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2; đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	30	
2	Vít mini tự Taro các cỡ	Chất liệu hợp kim Titanium Ti-6Al-4V; đồng bộ với nẹp cùng hãng sản xuất; Đường kính 2.0mm; chiều dài 6mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	10 Chiếc/ hộp	Chiếc	2.500	
3	Nẹp mini thẳng 4 lỗ	- Độ dày nẹp 1.0mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2; đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	20	
4	Nẹp mini thẳng 6 lỗ	- Độ dày nẹp 1.0mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2; đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	50	
5	Nẹp mini thẳng 8 lỗ cho vít 2.0mm	- Độ dày nẹp 1.0mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2; đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	80	
6	Nẹp mini thẳng 16 lỗ	- Độ dày nẹp 1.0mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2; đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	80	
7	Nẹp mini chữ L trái 4 lỗ	- Độ dày nẹp 1.0mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2; đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	5	
8	Nẹp mini chữ L phải 4 lỗ	- Độ dày nẹp 1.0mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2; đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	5	
9	Nẹp mini chữ C 6 lỗ	- Độ dày nẹp 1.0mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2; đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	160	
10	Nẹp mini chữ C 8 lỗ	- Độ dày nẹp 1.0mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2; đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	40	

11	Nẹp cầm 4 lỗ	- Độ dày nẹp 1.0mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2; đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	10
12	Mũi khoan dùng cho vít 2.0mm	Mũi khoan mini đường kính 1.6x70mm, chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	10
13	Vít neo chặn	Vít neo chặn 2.0x8mm- tự khoan; chất liệu hợp kim Titanium Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	10 Chiếc/ hộp	Chiếc	600
14	Cán tô vít	Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	2
15	Mũi tô vít dùng cho vít neo chặn	Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	5
16	Nẹp maxi thẳng 8 lỗ	Độ dày nẹp 1.5mm, chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2; đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	1 Chiếc/ túi	Chiếc	70
17	Vít maxi - Tự Taro	Vít 2.3x9mm, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6Al-4V ; đồng bộ với nẹp cùng hãng sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA.	10 Chiếc/ hộp	Chiếc	400
18	Nẹp mini chữ H 4 lỗ	Nẹp mini chữ H 4 lỗ, cho vít 2.0mm; độ dày nẹp 1.0mm; chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67), màu xám. Sử dụng tuốc nơ vít SDH4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA	1 Chiếc/ túi	Chiếc	10
II	Phần 2: Vật tư dùng trong điều trị nội mạch, u xơ tuyến tiền liệt, vật tư tiêu hao khác				
1	Bộ laser điều trị suy giãn tĩnh mạch	Bộ Laser điều trị suy giãn tĩnh mạch, gồm: - Sợi quang phát tia Laser ELVeS® Radial® 2ring Fiber, IC model 503100170, sử dụng với máy laser diode bước sóng 1470nm - Bộ kit can thiệp gồm: Dây dẫn phẫu thuật (guidewire); Bộ luồn can thiệp nội mạch (Introducer Sheath); Kim luồn phẫu thuật - Công nghệ phát tia toả tròn 2 vòng 360 độ, chia cường độ thành hai giai đoạn (2 vòng) dẫn tới sự đóng tĩnh mạch hiệu quả. - Mỗi vòng cách nhau 6mm - Độ dài sợi quang: 2,5 m - Đường kính đầu sợi quang: 1,85mm	1 bộ/ túi	Bộ	20
2	Sợi quang phát tia laser diode phẫu thuật U xơ tuyến tiền liệt (1)	- Đầu sợi cong và lớn - Độ dài sợi quang: 3 m - Đường kính lõi sợi quang: 1,8 Fr - Đường kính AD: 3100/9.3 (µm)/(Fr). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Sợi	Sợi	30
3	Sợi quang phát tia laser diode phẫu thuật U xơ tuyến tiền liệt (2)	- Đầu sợi laser bằng thủy tinh, độ cong lớn. - Bóc hơi, đông máu và cắt bỏ hiệu quả. - Bóng khí tập trung ở đầu sợi, tối ưu hóa góc quan sát - Độ dài sợi quang: 3 m - Đường kính lõi sợi quang: 1,8 Fr. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Sợi	Sợi	5

4	Bộ VTTH cho máy bơm thuốc cân quang tự động	Bộ bơm tiêm sử dụng cho máy bơm cân quang Optione sử dụng cho CT gồm: - 1 bơm tiêm 200ml: chất liệu PC/PP/ Rubber/ABS + Chiều dài của xylanh: 217.6mm + Đường kính ngoài của xy lanh:49.7mm + Đường kính trong của xylanh:47mm - 1 dây truyền thẳng dài 1500mm: chất liệu PVC - 1 ống hút J: chất liệu PE Không chứa DEHP - Áp suất giới hạn: 350psi Tiệt trùng: ETO	50 bộ/ thùng	Bộ	400	
5	Bộ bơm tiêm dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang 2 nòng	Bộ bơm tiêm sử dụng cho máy bơm cân quang Medtron Accutron sử dụng cho CT gồm: - 2 bơm tiêm 200ml: chất liệu PC/PP/Rubber/ABS + Chiều dài của xylanh: 176.8mm + Đường kính ngoài của xylanh: 51.4mm + Đường kính trong của xylanh:47.2mm - 1 dây truyền chữ Y: chất liệu PVC - 1 ống hút J: chất liệu PE - 1 đầu kim nhựa: chất liệu ABS Áp suất giới hạn: 350psi Tiệt trùng: ETO	20 bộ/ thùng	Bộ	300	
6	Dây nối bơm tiêm cân quang 1 nòng	Cấu hình 1 bộ bao gồm: 1 Đầu nối dạng xoắn 150cm, áp lực 300psi. Đầu nối cho máy bơm tiêm thuốc cân quang CT 1 nòng làm từ PVC.	100 cái/ thùng	Cái	700	
7	Dây nối bơm tiêm cân quang 2 nòng	Cấu hình 1 bộ bao gồm: Đầu nối dạng chữ Y nối với đoạn dây 150cm, làm từ PVC , áp lực 300psi.	100 cái/ thùng	Cái	500	
8	Cathete tĩnh mạch đơn	Catheter TMTT 1 nòng trẻ em 14G hoặc 16G bao gồm: - Catheter polyurethane, 14G hoặc 16G dài 20cm. - Dây dẫn J, Cây nông 7Fr, bơm tiêm 5ml, kim dẫn đường 18G, dao mổ, * Sử dụng 1 lần. Vô trùng ,	01 cái/ Hộp	Cái	300	
9	Cathete tĩnh mạch đôi	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng cỡ 7Fr (14,18G) - Catheter bằng polyurethane - Phụ kiện đi kèm: Dây dẫn đầu J chống gãy gập , kim dẫn đường 18G, cây nông, bơm tiêm 5ml, dao mổ, đã tiệt trùng .	01 cái/ Hộp	Cái	700	
10	Cathete tĩnh mạch ba	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng cỡ 7Fr (16G,18G) - Catheter bằng polyurethane - Phụ kiện đi kèm: Dây dẫn đầu J chống gãy gập, kim dẫn đường 18G, cây nông, bơm tiêm 5ml, dao mổ, đã tiệt trùng .	Hộp 10 cái	Cái	600	

11	Catheter lấy huyết khối các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Catheter loại bỏ máu đông trong quá trình mổ thuyên tắc tắc động mạch không chứa latex. - 100% silicone, bóng không bị phân mảnh, tích hợp stylet linh hoạt, đầu mềm, cân quang - Kích cỡ: 2F,3F, 4F, 5F, 6F, 7F dài 40/60/80/100cm. - Thở tích bơm chất lỏng tối đa 0.05cc, 0.10cc, 0.50cc, 0.75cc, 1.25cc, 2.00cc. - Đường kính bóng khi bơm 4mm, 5mm, 9mm, 11mm, 13mm, 14mm. - Có bơm tiêm đi kèm. - Vô trùng bằng EO, 	Hộp 06 cái	Cái	10	
12	Catheter 2 nòng chạy thận trẻ em	<p>Kim dẫn loại thẳng</p> <p>Ống thông được làm bằng chất liệu Polyurethane</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cỡ 8F, chiều dài 15cm . - Kèm dây dẫn đường 	Hộp 10 bộ	Bộ	50	
13	Canuyl May O các số	Làm từ nhựa, Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc, không kích ứng niêm mạc, sử dụng 1 lần,	1 Cái/ Túi	Cái	2.000	
14	Ống mở khí quản có bóng (Canuyl NKQ thở máy)	Chất liệu bằng nhựa y tế PVC, không độc hại, trong suốt, mềm không kích ứng. Các cỡ. Thiết kế có bóng trong, Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ,	10 cái/ hộp	Cái	300	
15	Dây silicon thông tuyến lệ	Dây silicon dài 300mm; 2 kim đầu tù/Olive; Kim dài các cỡ: 7,5;11;15;17,5; Tiệt trùng bằng khí EO,	10 cái/hộp	Cái	10	
16	Dây garo chun	Làm bằng thun hoặc vải không dệt, có thể co giãn.	10 cái / túi	Cái	1.500	
17	Mast trung tính (dùng một lần) dùng cho tay dao mổ điện	Dùng để tiêu tán dòng điện ra khỏi cơ thể bệnh nhân, làm từ Nhựa/ Cao su hoặc kết hợp với tâm kim loại mỏng trên bề mặt,	Túi 1 cái	Cái	1.200	
18	Miếng cầm máu mũi	Miếng cầm máu bằng gelatin dạng bột xốp màu trắng tiệt trùng, kích thước 7 x 5 x 1cm. Độ phồng sau khi thấm hút bằng 40 lần so kích thước sản phẩm. Tự tiêu hoàn toàn sau 4 - 6 tuần.	Hộp 20 miếng	Miếng	720	
19	Surgicel (vật liệu cầm máu)	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm sợi Rayon tự tiêu sau 7 - 14 ngày, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), đường kính 20µm mịn đồng nhất, trọng lượng 6.2 mg/cm ² , Nguồn gốc thực vật, hàm lượng carboxyl 18-21%, kích thước 10 x 20cm, quá trình oxi hóa với dung môi N ₂ O ₄ và nhóm axit carboxyl, độ pH thấp (2.4).	Hộp 12 miếng	Miếng	540	
20	Sáp cầm máu xương	Miếng sáp cầm máu xương 2.5 gram. Đóng gói tiệt trùng bằng tia gama từng miếng. Thành phần: Sáp ong trắng (85%), Isopropyl Palmitate (15%).	Hộp 12 miếng	Miếng	360	
21	Tay dao điện	Dùng cho máy đốt điện, máy cắt đốt. Tay dao cắt đốt có 2 nút bấm, 3 chấu, sử dụng 1 lần. Đóng gói vô trùng.	Túi 1 cái	Cái	600	
22	Túi đựng nước tiểu	Túi đựng nước tiểu có dây treo làm bằng vật liệu nhựa PVC, có khóa vặn ¾ vòng, dây dẫn dài 0.75 m, có tính năng chống trào ngược, có lỗ treo.	200 cái/ kiện	Cái	12.000	
23	Điện cực dán điện tim	Thiết kế hình chữ nhật với góc tròn. Nền xốp, không thấm.	50 cái/ gói	Cái	20.000	

24	Túi hậu môn nhân tạo	Thành phần: Chất liệu nhựa PE. Kích thước 250 x 150mm.	100 cái/ Hộp	Cái	1.000	
25	Sonde chữ T	Được làm từ cao su thiên nhiên, các số Fr14, Fr16, Fr18, Fr20, Fr22, Fr24 ,	Túi 1 cái	Cái	300	
26	Kim sinh thiết mô mềm	* Kim sinh thiết bán tự động lấy mẫu từ mô mềm và các tạng (vú, gan, phổi, thận...) * 2 độ sâu lấy mẫu lựa chọn: 10 mm và 20 mm * Độ sâu thâm nhập: Với độ sâu lấy mẫu 10mm thì độ sâu thâm nhập = 11mm; Với độ sâu lấy mẫu 20mm thì độ sâu thâm nhập = 22mm * Thiết kế đầu kim tăng âm, các cỡ được mã hóa bằng màu sắc. Mũi kim vát 25°. * Kích cỡ: 14G,16G,18G,20G, chiều dài kim: 10 ,15,16, 20,25cm * Kèm kim đồng trục các cỡ 13G,15G,17G,19G chiều dài 5.5cm, 10.5cm, 11.5cm 15.5cm, 19cm * Chất liệu: Thân kim: thép không gỉ 304, Đầu kết nối: Acetal, Lò xo: thép không gỉ AISI 302, Vỏ	1 cái/ túi	Cái	50	
27	Kim sinh thiết mô mềm	Kim sinh thiết tạng có đường kính 14G, 16G, 18G, 20G. Độ dài: 90mm, 130mm, 160mm, 220mm. có chốt khóa an toàn. Kim có đầu hút được thiết kế riêng. Hai nấc lấy mẫu 11mm và 22mm.	1 cái/ túi	Cái	50	
28	Kim sinh thiết xương	* Đường kính 8G, 9G, 11G, 13G. Chiều dài 10-15cm * kèm ống thông đầu cắt * Thiết kế đầu mũi kim siêu sắc không gây chấn thương. * Trọng lượng nhẹ dễ thao tác * Gồm 2 phần: que thăm sắc bén + nòng sắt * Tay cầm tiện lợi và khóa luer. * Tiệt trùng bằng EO	1 cái/ túi	Cái	100	
29	Giấy điện tim 6 kênh 12 cần	Giấy in nhiệt kiểu cuộn, dùng được cho máy điện tim 12 cần, KT: 215mmx25mx16mm,	10 Cuộn/ Hộp	Cuộn	1.000	
30	Giấy in nhiệt 5,8 cm	Dạng cuộn, rộng 5,8 cm, làm từ giấy,	300 cuộn/ thùng	Cuộn	2.000	
31	Giấy in nhiệt 8 cm	Dạng cuộn, rộng 8 cm , làm từ giấy	150 cuộn/ thùng	Cuộn	3.500	
32	Giấy in siêu âm đen trắng	Dạng khổ giấy kích thước rộng 110 mm, dài 20 mét. Sử dụng được cho máy in ảnh đen trắng SONY model UP-897MD.	10 cuộn/ hộp	Cuộn	700	
33	Giấy siêu âm màu	Là loại giấy in siêu âm màu. Hộp gồm 240 tờ và 3 ribbon mực. Kích thước 100x90cm. Khả năng chống nước. Sử dụng được cho máy in màu sony UP-D25MD	Hộp 240 tờ	Tờ	12.000	
34	Giấy điện tim	Làm từ giấy dùng cho in nhiệt, Kích thước khoảng 110mmx140mm;	01 tập/ Túi	Tập	200	
35	Giấy in Monitor sản khoa	Làm từ giấy dạng cuộn, dùng cho máy monitor theo dõi sản khoa Model: FC 1400 Bionet - Hàn Quốc.	1 cuộn/ gói	Cuộn	150	
36	Mask khí dung các cỡ	Chất liệu bằng PVC, tiệt trùng. Dùng trong xông họng khí dung. • Kẹp mũi điều chỉnh được. • Mask với 2 dây đeo đàn hồi và ống dài 2m. • Size: XS, S, M, L, XL. • Đóng gói riêng lẻ trong từng túi.	1 Cái/Túi	Cái	3.500	

37	Mũ phẫu thuật	Chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng Thành phần: vải không dệt không hút nước và dây thun đôi.	1 cái/gói	Cái	80.000	
38	Mỏ vệt nhựa	Mỏ vệt nhựa vô trùng sử dụng 1 lần cỡ M và L, nguyên liệu nhựa PP; độ trơn láng cao.	Túi 1 cái/ Kiện 250 cái	Cái	3.000	
39	Viên khử khuẩn (Presep 2,5 g)	50% w/w Sodium Dichloroisocyanurate (2,5 gram Sodium Dichloroisocyanurate/ viên 5 gram - tương đương với 1,5 gram Clorin hoạt tính/ viên 5 gram) Sodium Dichloroisocyanurate 50%, Adipic Acid 24%, thành phần khác 26%.	100 viên/lo	Viên	4.500	
40	Kẹp rốn sơ sinh	Thành phần: nhựa PP, Không chứa độc tố DEHP.	Túi 1 cái/ Hộp 100 cái	Cái	1.000	
41	Săng mổ	Làm bằng vải không dệt. Dùng 1 lần, đã tiệt trùng. Kích cỡ 120cm x 140cm	Túi 1 cái	Cái	6.000	
42	Tuýp lấy mẫu vô trùng 5 ml	Tuýp lấy mẫu làm từ nhựa PP, chiều cao 60mm, đường kính 15mm.	50 Tuýp/ Hộp	Tuýp	10.000	
43	Áo phẫu thuật tiệt trùng	Làm từ vải không dệt, dùng 1 lần, đã tiệt trùng .	1 Cái/gói	cái	6.000	
44	Túi đựng máu đơn	Dùng một lần dùng để thu thập máu với dung tích 250ml để đựng máu toàn phần. Túi chứa sẵn 35ml dung dịch chống đông CPDA - 1 bảo quản máu toàn phần trong 35 ngày dây dẫn dài 1100 ±50mm, có 14 đoạn mã.	10 cái/ túi nhôm	Túi	1.500	
45	Vòng thắt bằng cao su	Làm từ cao su tự nhiên, sử dụng trong thủ thuật thắt đáy búi trĩ bằng một vòng cao su.	100 cái / hộp	Cái	1.000	
46	Ống nghiệm lấy máu	Ống nghiệm chứa chất K2 EDTA, nắp xanh dương, nút cao su. Thể tích chứa tối đa: 5ml Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 75mm x 12,5mm, Tiệt trùng EO	100 ống/ khay	Ống	250.000	
47	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm chứa chất Lithium Heparin, nắp nhựa Thể tích chứa tối đa: 5ml Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 75 mm x 12,5 mm, Chịu lực ly tâm 4000 vòng/phút. Tiệt trùng bằng EO	100 ống/ khay	Ống	200.000	
48	Ống nghiệm Natri Citrat 3,8%	- Ống nghiệm nhựa PP. Kích thước 12-13x75mm, Dùng trong xét nghiệm hồng cầu lắng. - Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate - Nắp đậy ống nghiệm: nắp nhựa/ nắp cao su màu xanh lá. Màu nắp có thể thay đổi tùy theo nhu cầu,	2,400 Ống/ Thùng	Ống	100.000	
49	Ống nghiệm nhựa 10ml	Ống nghiệm PS, dung tích 10ml, kích thước 16x100mm. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong,	250 Ống/ Bịch	Cái	100.000	
50	Ống nghiệm nhựa nắp đỏ có nhãn	Làm từ nhựa PP, có đóng nút, trên ống có nhãn. Kích thước ống: 12x75mm ,	500 Ống/ Bịch	Cái	20.000	
51	Ống nghiệm nhựa không nắp	Làm từ nhựa PP, Kích thước ống: 12x75mm.	500 Ống/ Bịch	Cái	120.000	

52	Bình khí EO 4-100	<ul style="list-style-type: none"> - Bình chứa 100% khí Ethylene Oxide tinh khiết, dùng 1 lần và kín không khí. - Không chứa CFC (Freon) - Trọng lượng: 100g ± 5% - Tương thích với máy tiệt trùng EO SteriVac. 	12 bình / hộp	Bình	12	
53	Bộ dẫn lưu thận qua da	<p>Loại trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống dẫn lưu đuôi lợn (pigtail), chất liệu Polyurethane, có khóa + Nòng kim loại (thép không gỉ) + Trocar đầu vát nhọn + Đầu nối với túi đựng để kết nối với túi nước tiểu + Dao mổ <p>* Thời gian đặt ống dẫn lưu trong cơ thể: 24h - 30 ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> - không chứa latex, Pyrogenic - Các cỡ: 6Fr - 8Fr - 10Fr - 12Fr - 14Fr -16 Fr, dài 30 cm - Tiệt trùng bằng EO 	1 Bộ /túi	Bộ	100	
54	Chỉ thị hóa học đa thông số	<p>Chỉ thị hóa học đa thông số (nhiệt độ, thời gian, áp suất) kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn gói dụng cụ nhóm 5 (class 5). Dùng để kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn các chu trình tiệt khuẩn ở nhiệt độ 121-134 độ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Paper: 70-80% - Acrylate: 15-25% - Nhôm: 8-10% - Polypropylen 4-6% - Mực: < 0,1% - Không chứa chì và các kim loại nặng khác (không độc, an toàn cho người sử dụng và đồ vải, dụng cụ y tế) 	100 cái / túi	Túi	100	
55	Chỉ thị nhiệt hấp ướt	<p>Băng keo chỉ thị nhiệt dùng cho phương pháp tiệt khuẩn hơi nước, thời gian: 134°C trong 3,5 phút hoặc 121°C trong 15 phút</p> <ul style="list-style-type: none"> - Băng keo chỉ thị nhiệt được làm từ chất liệu giấy Crepe và các đường sọc với các chất chỉ thị khử trùng đổi màu. Vạch chỉ thị hóa học chuyển màu vàng sang đen sau khi hoàn thành chu trình tiệt khuẩn - Không chứa chì - Kích thước: 25mm x 50m - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 	36 cuộn/ thùng	Cuộn	300	
56	Cồn 96 độ	Cồn đạt 96 độ, Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng ,	Can 30 lít	Lít	7.000	
57	Giấy thử (chỉ thị hóa học)	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn các chu trình tiệt khuẩn ở nhiệt độ 121-134 độ. - Không chứa chì và các kim loại nặng khác (không độc, an toàn cho người sử dụng và dụng cụ y tế) - Vạch màu xanh sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua Tiệt khuẩn. - Kích thước: 1.5 cm +/- 0.15 cm * 20 cm +/- 2 cm 	250 Test/ hộp	Test	6.500	

58	Dung dịch cồn sát khuẩn tay	Thành phần: 80%w/v Ethanol + 7.2% w/v Isopropanol + 0.5% w/v Chlorhexidine gluconate chất bảo vệ, dưỡng da và hương liệu.	Chai 1 lít	Lít	3.500	
59	Dung dịch xà phòng rửa tay trung tính	Thành phần: Sodium lauryl ether sunphate 9%, Coconut fatty acid 3%, Diethanol Amide; Cocamido propyl betain 2%, chất bảo vệ, dưỡng da, hương liệu	Chai 1 lít	Lít	2.000	
60	Túi ép tiệt trùng (300mmx200m)	Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng hơi nước, Ethylen Oxide (EO) và Formaldehyde - Kích thước: 300mm x 200m - Một mặt được làm bằng giấy y tế 60g/m ² , độ dày: 83μm độ thấm khí 11,3μm (Pa.s); độ bền lực kéo chiều dọc 6,3 kN/m, độ bền lực kéo vuông góc 3,3 kN/m. - Một mặt được làm từ vật liệu PET/PP màu xanh 12/40μ, 65 g/m ² . - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. - Nhiệt độ hàn: 170 -210°C	2 cuộn/thùng	Cuộn	40	
61	Túi ép tiệt trùng (350mmx200m)	Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng hơi nước, Ethylen Oxide (EO) và Formaldehyde - Kích thước: 350mm x 200m - Một mặt được làm bằng giấy y tế 60g/m ² , độ dày: 83μm độ thấm khí 11,3μm (Pa.s); độ bền lực kéo chiều dọc 6,3 kN/m, độ bền lực kéo vuông góc 3,3 kN/m. - Một mặt được làm từ vật liệu PET/PP màu xanh 12/40μ, 65 g/m ² . - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. - Nhiệt độ hàn: 170 - 210°C	1 cuộn/ thùng	Cuộn	30	
62	Túi ép tiệt trùng (150mmx200m)	Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng hơi nước, Ethylen Oxide (EO) và Formaldehyde - Kích thước: 150mm x 200m - Một mặt được làm bằng giấy y tế 60g/m ² , độ dày: 83μm độ thấm khí 11,3μm (Pa.s); độ bền lực kéo chiều dọc 6,3 kN/m, độ bền lực kéo vuông góc 3,3 kN/m. - Một mặt được làm từ vật liệu PET/PP màu xanh 12/40μ, 65 g/m ² . - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. - Nhiệt độ hàn: 170 - 210°C	4 cuộn/ thùng	Cuộn	40	
63	Túi ép tiệt trùng (200mmx200m)	Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng hơi nước, Ethylen Oxide (EO) và Formaldehyde - Kích thước: 200mm x 200m - Một mặt được làm bằng giấy y tế 60g/m ² , độ dày: 83μm độ thấm khí 11,3μm (Pa.s); độ bền lực kéo chiều dọc 6,3 kN/m, độ bền lực kéo vuông góc 3,3 kN/m. - Một mặt được làm từ vật liệu PET/PP màu xanh 12/40μ, 65 g/m ² . - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. - Nhiệt độ hàn: 170 - 210°C	2 cuộn/ thùng	Cuộn	20	

64	Túi ép tiệt trùng (75mmx200m)	Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng hơi nước, Ethylen Oxide (EO) và Formaldehyde - Kích thước: 75mm x 200m - Một mặt được làm bằng giấy y tế 60g/m ² , độ dày: 83μm độ thấm khí 11,3μm (Pa.s); độ bền lực kéo chiều dọc 6,3 kN/m, độ bền lực kéo vuông góc 3,3 kN/m. - Một mặt được làm từ vật liệu PET/PP màu xanh 12/40μ, 65 g/m ² . - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. - Nhiệt độ hàn: 170 - 210°C	4 cuộn/ thùng	Cuộn	16	
65	Vôi Soda	Vôi soda là chất hấp thụ CO ₂ an toàn và hiệu quả. Làm giảm chi phí và cải thiện chăm sóc bệnh nhân khiến việc sử dụng thuốc gây mê lưu lượng thấp,	Can 5L (4,5 kg)	Can	50	
66	Kim chọc hút tủy xương	Kim làm bằng thép không gỉ 304, vỏ bảo vệ làm từ LDPE. * Đường kính 14-15-16G, Chiều dài 5; 7cm. * Đường kính 18G, Chiều dài 5cm. * Thiết kế đầu mũi siêu sắc giảm chấn thương. * Vạch chỉ thị sắc nét. * Trọng lượng nhẹ và tay cầm tiện lợi. * Mã hóa bằng màu sắc * Tiệt trùng	1 cái/túi	Cái	300	
67	Bộ dẫn lưu não thất ra ngoài	- Bao gồm catheter não thất dài 35cm, khoang dẫn lưu não thất, túi dẫn lưu, van chống trào ngược, kết hợp bộ lọc kháng khuẩn, cột áp lực kết hợp dẫn lưu và đo áp lực nội sọ, van khóa 3 chiều, van chữ Y.	1 Bộ/ Hộp	Bộ	50	
68	Bộ dẫn lưu não thất ổ bụng	Chất liệu bằng silicone, áp lực từ 1cmH ₂ O đến 14 cmH ₂ O, dùng cho người lớn. Bao gồm thân van catheter não thất 23,5 cm, catheter ổ bụng. - Áp lực cao, thấp, trung bình.	1 Bộ/ Hộp	Bộ	5	
69	Thanh luồn dưới da	Độ dài 50cm, dùng luồn catheter dưới da, chất liệu thép không gỉ .Tiệt trùng 2 lớp.	1 Cái/ Hộp	Bộ	1	
70	Bộ dây đo áp lực nội sọ và nhiệt độ thân não	Bộ Catheter tích hợp hai chức năng cảm biến áp lực nội sọ và nhiệt độ thân não, cỡ nòng: 5FR x 750 mm - Mũi khoan: đường kính 3.5 mm, có phụ kiện đi kèm điều chỉnh mũi khoan, mở màng cứng.	1 Bộ/ Hộp	Bộ	20	
71	Bộ dây đo áp lực nội sọ và nhiệt độ thân não tại não thất	Bộ Catheter tích hợp hai chức năng cảm biến áp lực nội sọ và nhiệt độ thân não, kèm dẫn lưu giải áp. - Catheter: đường kính ngoài 9F, đường kính trong 3.0mm, chiều dài 35mm - Mũi khoan: đường kính 5.3mm, có phụ kiện đi kèm điều chỉnh mũi khoan, mở màng cứng.	1 Bộ/ Hộp	Bộ	30	
72	Sonde dẫn lưu	Ống dẫn lưu được làm từ nguyên liệu PVC, mềm, dẻo, có tính đàn hồi cao. Màu trắng tự nhiên. Kích thước: 5ID , 7ID. Tiệt trùng.	100 cái/hộp	Cái	5.000	
III	Phần 3: Vật tư can thiệp mạch máu não					

1	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu kiểu Cross-cut, dài 7cm đến 10cm	<p>Cấu tạo gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G - Mini plastic guide wire cỡ 0.025", 0.035", dài 45cm, lõi nitinol - Bơm tiêm 2.5ml - Introducer sheath - Dilator (que nong) <p>Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F dài 7cm, 10cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene) 	Hộp/ 5 cái	Cái	160	
2	Dây dẫn đường lõi nitinol, lớp ngoài polyurethane với hỗn hợp tungsten, phủ lớp áo nước M coat, loại tiêu chuẩn dài 150cm	<p>Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp ngoài là Polyurethane cản quang, hỗn hợp tungsten giúp dễ dàng quan sát dưới tia X - Lớp phủ áo nước Mcoat <p>Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.018", 0.025", 0.032", 0.035", 0.038" - Xuất xứ: Việt Nam 	Hộp/ 5 cái	Cái	160	
3	Dây dẫn đường lõi nitinol, lớp ngoài polyurethane với hỗn hợp tungsten, phủ lớp áo nước M coat, loại tiêu chuẩn dài 260cm	<p>Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp ngoài là Polyurethane cản quang, hỗn hợp tungsten giúp dễ dàng quan sát dưới tia X - Lớp phủ áo nước Mcoat <p>Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây dẫn: 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.018", 0.025", 0.032", 0.035", 0.038" - Xuất xứ Việt Nam 	Hộp/ 5 cái	Cái	80	
4	Ống thông chẹn chẩn đoán mạch não có cấu tạo 3 lớp, đường kính 5Fr (đường kính trong 1.1mm),	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp ngoài polyurethane - Lớp giữa là lớp bện đơn (loại 5F) và bện kép (loại 4F) - Lớp trong giàu nylon - Đoạn xa có lớp phủ áo nước Hydrophilic (M Coat) dài 15cm, 25cm, 40cm. - Kích cỡ: 4F (đường kính trong 1.03mm), 5Fr (đường kính trong 1.10mm). Chiều dài: 65cm, 85cm, 100cm, 110cm, 120cm -Kiểu đầu: Mani, Vertebral, Cobra, Multipurpose, Simmons 	Hộp/ 5 cái	Cái	100	

5	Ống thông chụp chẩn đoán tạng có cấu tạo 3 lớp với lớp đan kép thép không gỉ SUS ở giữa, đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm),	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon rich Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng $\geq 1.03\text{mm}$) - 5Fr (lòng rộng $\geq 1.20\text{mm}$)... Chiều dài 65cm, 70cm, 80cm, 100cm, 120cm, 125cm. - Có các kiểu đầu: Cobra, Yashiro, Simmons, Vertebral - Giới hạn áp lực 4Fr: $\geq 750\text{psi}$, 5Fr $\geq 1000\text{psi}$.	Hộp/ 5 cái	Cái	100
6	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu động mạch vành và các động mạch khác để ngăn ngừa biến cố tắc mạch đoạn xa khi can thiệp các loại, các cỡ	Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi, đường kính lưới lọc (filter) 3,4,5,6,7mm, độ dài dây dẫn 190cm và 320/190cm. Hệ thống phù hợp với cả dây dẫn 0.014" và 0.018" hoặc ống thông 0.035" Chất liệu lưới lọc: Nitinol, kỹ thuật đan Full-Wall. Lưới lọc được phủ heparin. Đường kính vượt tổn thương (Crossing Profile): 3.2Fr Có 1 marker đầu gần và 1 marker đầu xa, miệng lưới lọc có 1 khung tròn chất liệu Vàng - Tungsten Dây dẫn đường xoay và di chuyển theo chiều dọc độc lập với lưới lọc, giúp lưới lọc hoàn toàn ổn định trong suốt quá trình can thiệp.	1 Cái/hộp	Cái	5
7	Stent động mạch cảnh các loại, các cỡ	"Khung giá đỡ (Stent) tự giãn nở bằng hợp kim nickel titanium (nitinol), khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuôn (Tapered): Loại thẳng: đường kính 6,7,8,9,10mm, chiều dài 20,30,40,60mm. Loại thuôn: đường kính 8-6, 10-7mm, chiều dài 30mm và 40 mm. Độ dài ống thông có gắn stent 135cm, sử dụng dây dẫn 0.014". Tương với dụng cụ mở đường 6F. Sử dụng công nghệ EX.P.R.T trong hệ thống bung stent giúp loại bỏ hiện tượng bung sớm hoặc nhảy. Chỉ định: sử dụng để mở thông hẹp động mạch cảnh. 2 điểm đánh dấu (Marker) làm bằng Tantalum. Dạng thuôn sẽ có thêm 1 marker trên thân"	1 Cái/hộp	Cái	20
8	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách rời, bóng chẹn các loại, các cỡ	"Công nghệ phủ thuốc và giải phóng thuốc đặc biệt FreePAC. Phủ thuốc Paclitaxel 3.5 μg /mm ² , chất dẫn Urea. - Bóng có đường kính 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12 mm, chiều dài của bóng 40, 60, 80, 120, 150 mm - Catheter có thiết kế over the wire, Chiều dài hệ thống 40 cm, 80cm và 130cm, tương thích với wire có đường kính tối đa là 0.035" Áp lực vỡ bóng lên tới 14 atm -Thiết kế ống thông lõi kép (dual lumen). - Bóng có 2 marker chất liệu platinum-iridium"	1 Cái/hộp	Cái	10

9	Khung giá đỡ (stent) mạch não	Stent tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ, chất liệu nitinol, có lớp phủ chống huyết khối fibrin-heparin. Đường kính 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm, chiều dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm. Stent tương thích với mạch máu đường kính 2.0-2.5mm, 2.5-3.5mm, 3.5-4.5mm. Tương thích với ống thông gắn bóng đường kính 1.5-4.0mm.	1 Cái/hộp	Cái	2
10	Bóng nong mạch não	Bóng nong được gắn trong ống thông 2 nòng, dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0mm, chiều dài bóng nong 8mm, 15mm đường kính trong 0.0165"-0.017". Đường kính ngoài đầu xa-gần là 2.7F/ 3.7F, chiều dài 150cm. Áp lực danh nghĩa 6atm, áp lực tối đa 14 atm.	1 Cái/hộp	Cái	5
11	Coil nút mạch não loại không phủ gel vòng xoắn kim loại lõi trần	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: có các loại 3D và Helix, đường kính sợi coil 0.0115", 0.0125", 0.0135", 0.0145". - Đường kính coil từ 1.5-25mm, chiều dài cuộn coil từ 1-50 cm. - Chất liệu: Platinum - Đặc tính: Đường kính coil tăng dần theo đường kính vòng coil sau khi thả. - Coil được cắt bằng dụng cụ cơ học, không phụ thuộc vào nguồn điện. - Tiêu chuẩn: FDA và CE và ISO. - Xuất xứ: Mexico 		Cái	5
12	Coil nút mạch não loại không phủ gel mềm, chất liệu platinum	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: có các loại 3D và Helix, có các đường kính là 0.0108", 0.0115", 0.0125", 0.0135" và 0.0145" - Đường kính coil từ 1mm - 6mm. - Chiều dài coil từ 1cm - 20cm. - Chất liệu: Platinum - Đặc tính: đường kính coil tăng dần theo đường kính vòng coil sau khi thả. - Coil được cắt bằng dụng cụ cơ học, không phụ thuộc vào nguồn điện. - Tiêu chuẩn: FDA và CE và ISO. - Xuất xứ: Mexico 		Cái	15
13	Dây dẫn có thể xuyên qua huyết khối	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đường kính 0.014", dài 205cm, đầu xa có cuộn lò xo platinum dài 5cm, lớp phủ ái nước dài 38 cm - Chất liệu: thép không gỉ, ưa nước. - Tiêu chuẩn: FDA và CE và ISO. - Xuất xứ: Ireland 		Cái	50
14	Vi ống thông đầu thẳng	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: đường kính ngoài gần-xa là 2.1Fr-1.7Fr và 2.4Fr-1.9Fr, đường kính trong 0.017" và chiều dài là 150 cm - Chất liệu: nitinol - Đặc tính: Tương thích với DMSO. Hình dạng đầu ống thẳng. Đầu ống linh hoạt, có thể tạo hình bằng hơi nước với hai điểm đánh dấu. - Tiêu chuẩn: FDA và CE và ISO. - Xuất xứ: Mỹ 		Cái	8

15	Vi ống thông thả stent thường	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: đường kính ngoài gần-xa là 2.1Fr-1.7Fr và 2.4Fr-1.9Fr, đường kính trong 0.017" và chiều dài là 150 cm - Chất liệu: nitinol - Đặc tính: Tương thích với DMSO. Hình dạng đầu ống thẳng. Đầu ống linh hoạt, có thể tạo hình bằng hơi nước với hai điểm đánh dấu. - Tiêu chuẩn: FDA và CE và ISO. - Xuất xứ: Mỹ 		Cái	8	
16	Vi ống thông thả stent thường	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đường kính ngoài gần-xa là 2.7Fr-2.4Fr, đường kính trong 0.021" , chiều dài là 153cm - Chất liệu: Thép không gỉ, hydrophilic, PTFE, nhựa Pebax - Đặc tính: Vi ống thông có cấu trúc bao gồm những sợi thép không gỉ quấn vòng quanh thân để tránh gập và giữ nguyên hình dạng lòng ống thông, đầu ngoại vi của ống thông mềm và thẳng, lớp áo hydrophilic bao bề mặt ngoài, lớp PTFE lót lòng trong cùng, lớp nhựa Pebax. Tương thích DMSO, tương thích với dây dẫn lớn nhất 0.018". - Tiêu chuẩn: FDA và CE và ISO. - Xuất xứ: Mỹ 		Cái	40	
17	Bóng tắc mạch chèn cổ túi phình mạch thẳng	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đường kính bóng 3mm, 4mm và 5mm; chiều dài bóng 10mm, 15mm, 20mm và 30 mm. Đường kính đầu gần 2.8F, đường kính đầu xa 2.2F; chiều dài đầu tip 4mm. - Đặc tính: Ống thông có gắn bóng đơn nòng và kèm theo vi dây dẫn 0.010". Dùng để chèn cổ túi phình động mạch não cổ rộng với vị trí mạch thẳng. - Tiêu chuẩn: FDA và CE và ISO. - Xuất xứ: Mỹ 		Cái	3	
18	Khung giá đỡ (stent) sử dụng lấy huyết khối trong điều trị mạch não	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đường kính stent 3mm, 4mm, 6mm, chiều dài stent 20mm, 24mm, 40mm dùng cho mạch đường kính 1.5-3mm, 1.5-4mm, 2-5.5mm. - Chất liệu: Nitinol - Đặc tính: Stent lấy huyết khối mạch não có cấu trúc mở, thiết kế parametric gấp cuộn, tự bung có thể thu hồi hoàn toàn. Có 1 marker đầu gần, 3 hoặc 4 marker đầu xa, và có các marker phân bố đều dọc trên thân stent với khoảng cách 5 - 10mm. - Tương thích vi ống thông đường kính 0.021"-0.027". - Dây dẫn có đường kính 0.018" và dài 200cm. - Tiêu chuẩn: FDA và CE và ISO. - Xuất xứ: Mỹ 		Cái	25	

19	Ống thông dẫn đường mạch máu não	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: có 2 loại kích thước 5F và 6F. Đường kính trong là 0.058" và 0.072", đường kính ngoài 0.07" và 0.084", Chiều dài làm việc là 95 cm, 105cm, 115cm, 125cm, 130cm. Chiều dài đầu xa linh động 8cm. - Chất liệu: Cấu tạo gồm 5 lớp , lớp trong cùng là PTFE. - Đặc tính: ống thông hỗ trợ thả coil hoặc stent thay đổi dòng chảy. - Tiêu chuẩn: FDA và CE và ISO. - Xuất xứ: Mỹ 		Cái	5
20	Ống thông hút huyết khối dạng coil dẹt	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đường kính trong 0.068" và 0.071"; đường kính ngoài 0.083" và 0.0855". - Chiều dài 132 cm. - Chất liệu: Nitinol - Đặc tính: Thiết kế dạng coil dẹt, Đầu ống vát mềm. Hỗ trợ/Tương thích stent lấy huyết khối trong can thiệp điều trị đột quỵ mạch não - Tiêu chuẩn: FDA và CE và ISO. - Xuất xứ: Mỹ. 		Cái	25
21	Ống thông can thiệp chuyên dụng 8F	<p>Vật liệu thép không gỉ, phủ lớp ưa nước. Vùng linh hoạt 4cm. kích cỡ 6F. Được phủ lớp ưa nước. loại đầu đa dụng MP. Đường kính trong lớn 0.088". Chiều dài: 80cm; 90cm. Đường kính ngoài 8F/8F . có loại đầu thẳng và đầu MP (có tối thiểu 4 loại) (Đóng gói bao gồm: 1 ống thông chuyên dụng, 1 van cầm máu, 1 Y kết nối, 1 nong mạch)</p>		Cái	40
22	Ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	<p>Đường kính trong đầu xa: 0.035". Đường kính ngoài đầu xa: >1,26mm; Đường kính ngoài đầu gần: 4,7F. Chiều dài làm việc: 160cm</p>		Cái	10
23	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não	<p>Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não, thiết kế dạng cuộn dây xoắn và bện, có phủ lớp Hydrophilic. Đầu xa mềm và có thể uốn tạo hình bằng hơi nước. Đường kính trong 0,070", đường kính ngoài đầu gần 0.0825", đường kính ngoài đầu xa 0.0815". Chiều dài hoạt động 125cm-131cm. Chiều dài đầu xa 19cm, chiều dài đầu gần 106cm-112cm.</p>		Cái	15
24	Kim chọc mạch 18G - 21G	<ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc mạch quay, đùi - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: 18G, 19G, 20G, 21G - Có nhiều độ dày thành ống kim khác nhau: mỏng, thường, siêu mỏng - Có chứng nhận FDA và CE 		Cái	200
25	Vi dây dẫn đường (micro guide wire) can thiệp mạch thần kinh hoặc mạch não dạng dài đường kính 0.014"	<p>Có chất liệu thép không gỉ hoặc hợp kim thép không gỉ. Có lớp phủ ái nước. Đầu dây dẫn chắn bức xạ hoặc cản quang. Sử dụng được cho can thiệp mạch não hoặc can thiệp mạch thần kinh. Đường kính 0,014" . Tổng chiều dài \geq 300 cm.</p>		Cái	3

26	Vi dây dẫn đường (micro guide wire) can thiệp mạch thần kinh hoặc mạch não dạng ngắn đường kính $\leq 0.01"$	Có chất liệu thép không gỉ hoặc hợp kim thép không gỉ. Có lớp phủ ái nước. Đầu dây dẫn chắn bức xạ hoặc cản quang. Sử dụng được cho can thiệp mạch não hoặc can thiệp mạch thần kinh. Đường kính $\geq 0,007"$ và $\leq 0,01"$. Chiều dài ≤ 220 cm		Cái	3	
27	Bộ khăn, áo can thiệp mạch	Bộ khăn chụp mạch ít nhất gồm: khăn chụp mạch 3 lỗ: ≥ 01 cái; tấm phủ: ≥ 01 cái; khăn trải bàn dụng cụ: ≥ 01 cái; bao chụp đầu đèn: ≥ 01 cái; bao kính chắn chì: ≥ 01 cái; bao đựng remote: ≥ 01 cái; áo phẫu thuật: ≥ 03 cái. Đã tiệt trùng.		Bộ	160	
28	Bộ bơm thuốc cản quang 1 nòng	Gồm: 1 Bơm tiêm (Xilanh) và dây bơm thuốc cản quang. Bơm tiêm: 1 nòng; thể tích bơm ≥ 150 ml. Dây bơm thuốc cản quang: chiều dài ≥ 150 cm; áp lực ≥ 300 psi.		Bộ	80	
29	Bộ bơm bóng áp lực cao ≤ 30 atm	Áp lực tối đa ≤ 30 atm. Thể tích bơm tiêm ≥ 20 ml và ≤ 30 ml		Bộ	15	
IV	Phần 4: Vật tư xét nghiệm, Hóa chất xét nghiệm					
	1. Hóa chất dùng cho máy định danh và kháng sinh đồ + Tương thích và hoạt động được trên Máy có ký mã hiệu: 443624. Hãng nước sx: Becton, Dickinson and Company (BD) sẵn có của Bệnh viện.					
1	Thẻ định danh nấm	- Dùng để định danh nhanh hầu hết các loại nấm men và các vi sinh vật giống nấm men. - Panel bao gồm 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang. - Được sử dụng với thiết bị của Hệ thống Vi sinh Tự động BD Phoenix - Bảo quản ở 15 - 25°C.	Thanh	25 thanh/1 thùng	100	
2	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	- Dùng để định danh nhanh các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Panel bao gồm 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang. - Được sử dụng với thiết bị của Hệ thống Vi sinh Tự động BD Phoenix - Bảo quản ở 15 - 25°C.	Thanh	25 thanh/1 thùng	800	
3	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	- Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi . - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Quinolone, Cyclic peptide, Fosfomycin, Nitrofurantoin, Glycylcycline, Folate Antagonist. - Có các kháng sinh: Ceftazidime-Avibactam, Cefotolozane-Tazobactam, Imipenem-Relebactam, Meropenem-Vaborbactam. - Có giếng thử nghiệm phát hiện xác nhận CPO cho Enterobacterales, Pseudomonas aeruginosa và Acinetobacter baumannii. - Phân nhóm CPO thành các Ambler (A, B, D) cho Enterobacterales.	Thanh	25 thanh/1 thùng	800	
4	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	- Dùng để định danh nhanh các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Panel bao gồm 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang. - Bảo quản ở 15 - 25°C.	Thanh	25 thanh/1 thùng	600	

5	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để xét nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Macrolides Lincosmides, Phenicol, Quinolone, Tetracycline, Fosfomycin, Fusidane, Oxazolidinone, Pseudomonic acid, Nitrofurane, Glycopeptide, Folate Antagonist. - Được sử dụng với thiết bị của Hệ thống Vi sinh Tự động BD Phoenix - Bảo quản ở 15 - 25°C. 	Thanh	25 thanh/1 thùng	600	
6	Thẻ định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn phế cầu/liên cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loài vi khuẩn Streptococcus có nguồn gốc từ người. - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Phenicol, Macrolides Lincosamides, Quinolone, Oxazolidinone, Glycopeptide, Tetracycline, Folate Antagonist, - Bảo quản ở 15 - 25°C. 	Thanh	25 thanh/1 thùng	100	
7	Chất chỉ thị kháng sinh đồ liên cầu/ phế cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): Chỉ số oxy hóa khử, dưới 1.5 g; Chất ổn định oxy hóa khử, dưới 20 g - Bảo quản ở 2 - 8°C. 	Lọ	6mL/lọ	4	
8	Chất chỉ thị kháng sinh đồ chung	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): Redox indicator <3g, Redox stabilizers < 20g - Bảo quản ở 2 - 8°C. 	Lọ	6mL/lọ	40	
9	Canh trường dùng cho kháng sinh đồ	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): 22g Canh trường Mueller Hinton, Polysorbate 80 0.01%. - Bảo quản ở 2 - 25°C. 	Ống	8 mL/ống	4000	
10	Canh trường dùng cho kháng sinh đồ liên cầu/ phế cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết) Pancreatic Digest of Casein, Peptones, and Supplements, 29.2 g; Thymidine Phosphorylase, 100 IU; Polysorbate 80, 0.1 g . - Bảo quản ở 2 - 25°C. 	Ống	8 mL/ống	200	
11	Canh trường dùng cho định danh, tối thiểu 4.5 ml/ống	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): 7.5g Potassium chloride , 0.5g Calcium chloride, 0.895g Tricine glycine, Polysorbate 80 0.025%,. - Bảo quản ở 2 - 25°C. 	Ống	4.5mL/ống	2000	
12	Bộ ống chuẩn cho máy đo độ đục dùng cho máy định danh và kháng sinh đồ tự động	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để hiệu chuẩn máy đo độ đục BD PhoenixSpec Nephelometer. - Mỗi bộ gồm 4 nồng độ chuẩn: 0.25, 0.5, 1.0, 4.0 McF 	Hộp	4 ống/1 hộp	1	
2. Hóa chất dùng cho Máy xét nghiệm Elisa + Tương thích và hoạt động được trên Máy Model: ETI-Max 3000. Hãng nước sx: Stratec SE. (Hãng chủ sở hữu: Diasorin Italia S.p.A/Y)/Đức sẵn có của Bệnh viện.						

1	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Gnathostoma spinigerum (Giun đầu gai)	Dùng để xác định bán định lượng kháng thể IgG kháng Gnathostoma (giun đầu gai) bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần bao gồm: Dây giếng: Vi giếng chứa kháng nguyên Gnathostoma tái tổ hợp– 96 giếng thử trong một khung giữ ; Enzyme liên hợp; Chứng dương; Chứng âm; Cơ chất/Chất sinh màu; Dung dịch rửa đậm đặc; Đệm pha loãng; Dung dịch dừng Độ nhạy: 93% ; Độ đặc hiệu: 100%	96 test/ hộp	Hộp	6	
2	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgM kháng Clonorchis (Sán lá gan nhỏ)	Dùng để xác định bán định lượng kháng thể IgM kháng Clonorchis (Sán lá nhỏ) bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần bao gồm: Dây giếng Vi giếng chứa kháng nguyên Clonorchis SEP– 96 giếng thử trong một khung giữ; Enzyme liên hợp (lọ chứa 13 ml kháng thể kháng IgM của người, liên hợp với peroxidase); Chứng dương; Chứng âm; Cơ chất/Chất sinh màu; Dung dịch rửa đậm đặc; Đệm pha loãng; Dung dịch dừng	96 test/ hộp	Hộp	3	
3	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Clonorchis (Sán lá gan nhỏ) Quy cách: 96 test/hộp	Dùng để xác định bán định lượng kháng thể IgG kháng Clonorchis bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người Thành phần bao gồm: Dây giếng Vi giếng chứa kháng nguyên Clonorchis– 96 giếng thử trong một khung giữ; Enzyme liên hợp; Chứng dương; Chứng âm; Cơ chất/Chất sinh màu; Dung dịch rửa đậm đặc; Đệm pha loãng ; Dung dịch dừng Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 92%	96 test/ hộp	Hộp	3	
4	Bộ xét nghiệm bán định tính kháng thể IgG kháng Fasciola (Sán lá gan)	Dùng để sàng lọc định tính kháng thể IgG trong huyết thanh kháng Fasciola bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần bao gồm: Dây giếng Vi giếng chứa kháng nguyên Fasciola– 96 giếng thử trong một khung giữ; Enzyme liên hợp; Chứng dương; Chứng âm; Cơ chất/Chất sinh màu; Dung dịch rửa đậm đặc; Đệm pha loãng; Dung dịch dừng Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100%	96 test/ hộp	Hộp	3	
5	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Toxocara (Giun đũa chó-mèo)	Dùng để xác định bán định lượng kháng thể IgG kháng Toxocara (giun đũa chó-mèo) bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người Thành phần bao gồm: Dây giếng Vi giếng chứa kháng nguyên tiết Toxocara– 96 giếng thử trong một khung giữ; Enzyme liên hợp (lọ chứa 13 ml Protein A liên hợp với peroxidase); Chứng dương; Chứng âm; Cơ chất/Chất sinh màu; Dung dịch rửa đậm đặc; Đệm pha loãng; Dung dịch dừng Độ nhạy: 87.5%; Độ đặc hiệu: 93.3%	96 test/ hộp	Hộp	8	

6	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Trichinella (Giun xoắn)	Dùng để xác định định tính kháng thể IgG kháng Trichinella (giun xoắn) trong huyết thanh người bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần bao gồm: Dây giếng Vi giếng chứa kháng nguyên Trichinella ES – 96 giếng thử trong một khung giữ; Enzyme liên hợp (lọ chứa 13 ml Protein A liên hợp với peroxidase); Chứng dương ; Chứng âm; Cơ chất/Chất sinh màu ; Dung dịch rửa đậm đặc; Đệm pha loãng ; Dung dịch dừng Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: 100%	96 test/ hộp	Hộp	6	
7	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Ancylostoma (Giun móc)	Dùng để sàng lọc định tính kháng thể IgG huyết thanh kháng Ancylostoma bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần bao gồm: Dây giếng Vi giếng chứa kháng nguyên Ancylostoma – 96 giếng thử trong một khung giữ; Enzyme liên hợp (chai chứa 13 ml Protein A liên hợp với Peroxidase) ; Chứng dương; Chứng âm; Cơ chất/Chất sinh màu ; Dung dịch rửa đậm đặc ; Đệm pha loãng ; Dung dịch dừng. Độ nhạy 100%; Độ đặc hiệu 99%	96 test/ hộp	Hộp	8	
8	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Angiostrongylus (Giun phổi chuột)	Dùng để sàng lọc định tính kháng thể IgG huyết thanh kháng Angiostrongylus bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người Thành phần bao gồm: Dây giếng Vi giếng chứa kháng nguyên Angiostrongylus – 96 giếng thử trong một khung giữ; Enzyme liên hợp (chai chứa 13 ml Protein A liên hợp với Peroxidase); Chứng dương ; Chứng âm ; Cơ chất/Chất sinh màu ; Dung dịch rửa đậm đặc ; Đệm pha loãng ; Dung dịch dừng Độ nhạy 100%; Độ đặc hiệu 98%	96 test/ hộp	Hộp	4	
9	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Paragonimus (Sán lá phổi)	Dùng để xác định bán định lượng kháng thể IgG kháng Paragonimus (Sán lá phổi) trong huyết thanh người bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần bao gồm: Dây giếng Vi giếng chứa kháng nguyên Paragonimus– 96 giếng thử trong một khung giữ; Enzyme liên hợp (lọ chứa 13 ml Protein A liên hợp với peroxidase); Chứng dương; Chứng âm; Cơ chất/Chất sinh màu; Dung dịch rửa đậm đặc; Đệm pha loãng; Dung dịch dừng. Độ nhạy: 95%; Độ đặc hiệu: 100%	96 test/ hộp	Hộp	6	
10	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Schistosoma spp (Sán máng)	Dùng để xác định định tính kháng thể kháng Schistosoma spp, chủ yếu là IgG, trong người bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người Thành phần bao gồm: Dây giếng Vi giếng chứa kháng nguyên Schistosoma SEA– 96 giếng thử trong một khung giữ; Enzyme liên hợp (lọ chứa 13 ml Protein-A liên hợp với peroxidase trong đệm ổn định có chứa Thimerosal); Chứng dương; Chứng âm; Cơ chất/Chất sinh màu; Dung dịch rửa đậm đặc; Đệm pha loãng; Dung dịch dừng Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: 85%	96 test/ hộp	Hộp	4	

11	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides (Giun lươn)	Dùng để sàng lọc định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides (giun lươn) bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người Thành phần bao gồm: Dây giếng Vi giếng chứa kháng nguyên Strongyloides L3– 96 giếng thử trong một khung giữ; Enzyme liên hợp; Chứng dương; Chứng âm; Cơ chất/Chất sinh màu; Dung dịch rửa đậm đặc; Đệm pha loãng; Dung dịch dừng	96 test/ hộp	Hộp	6	
12	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus (Sán dây nhỏ)	Dùng để sàng lọc định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus sp. bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người Thành phần bao gồm: Dây giếng Vi giếng chứa kháng nguyên Echinococcus– 96 giếng thử trong một khung giữ; Enzyme liên hợp; Chứng dương; Chứng âm; Cơ chất/Chất sinh màu; Dung dịch rửa đậm đặc; Đệm pha loãng; Dung dịch dừng	96 test/ hộp	Hộp	6	
13	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Filariasis (Giun chỉ bạch huyết)	Dùng để xác định bán định lượng kháng thể IgG (subtype 4) kháng Filaria bằng phương pháp Hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA), trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần bao gồm: Dây giếng Vi giếng chứa kháng nguyên Filaria tái tổ hợp– 96 giếng thử trong một khung giữ; Enzyme liên hợp (lo chứa 13 ml kháng IgG subtype 4 người liên hợp với peroxidase); Chứng dương; Chứng âm; Cơ chất/Chất sinh màu; Dung dịch rửa đậm đặc; Đệm pha loãng Độ nhạy: 83%; Độ đặc hiệu: 97%	96 test/ hộp	Hộp	4	
14	Dụng cụ hút mẫu bệnh phẩm (đầu côn) chuyên dùng trong xét nghiệm Elisa 300µl	Đầu côn hút mẫu, dung tích 300µL.	96 cái/khay	Khay	50	
15	Dụng cụ hút mẫu bệnh phẩm (đầu côn) chuyên dùng trong xét nghiệm Elisa 1100 µl	Đầu côn hút hóa chất, dung tích 1100µL.	96 cái/ khay	Khay	50	
16	Ống nghiệm nhựa 5 ml	Ống nghiệm nhựa không nắp, không nhãn 5ml. Kích thước 12x75mm.	Túi 500 ống	Túi	10	
3. Hóa chất dùng cho Máy điện di mao quản + Tương thích và hoạt động được trên Máy có Ký mã hiệu: Minicap Flex-Piercing. Hãng nước sx: Sebia/Pháp sẵn có của Bệnh viện.						
1	Bộ xét nghiệm định lượng Hemoglobin trên hệ thống xét nghiệm điện di mao quản	Bộ hóa chất phân tách các hemoglobin bình thường (A, A2 và F) ở các mẫu máu người và phát hiện các biến thể hemoglobin chính (S, C, E và D) thông qua công nghệ điện di mao quản trong dung dịch đệm kiềm (pH 9,4) trên hệ thống 2 đầu di Không nhiễu với triglycerid ≤ 15.57 g/dL, bilirubin ≤ 27.7 mg/dL, hay 473 $\mu\text{mol/L}$.	Hộp/2 x 250 ml, 1 x 225 ml, 1 x 25 ml	Hộp	17	
2	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Hb A2 thông thường	Chất kiểm chuẩn Hb A2 bình thường để kiểm soát chất lượng định lượng huyết sắc tố A2 và để đối chứng sự di chuyển của huyết sắc tố trong quy trình điện di	Hộp/5 lọ đông khô (5 x 1.6 ml sau pha)	Hộp	3	

3	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Hb A2 bệnh học	Chất kiểm chuẩn cho Hb A2 bất thường được sử dụng để kiểm soát chất lượng định lượng huyết sắc tố A2 ở người bằng quy trình điện di	Hộp/1 lọ đông khô (1 x 1.6 ml sau pha)	Hộp	1	
4	Ống và nắp đựng hóa chất kiểm chuẩn	Ống và nắp để chiết tách mẫu kiểm chuẩn trong xét nghiệm điện di mao quản	Hộp/20 ống	Hộp	1	
5	Dung dịch khử khuẩn	Dung dịch cất giữ nước cất hoặc nước khử ion dùng để súc rửa mao quản trong hệ thống tự động điện di mao quản.	Hộp/1 x 5ml	Hộp	1	
6	Dung dịch rửa điện di mao quản	Dung dịch rửa các mao quản cho các xét nghiệm điện di mao quản	Hộp/2 x 75ml	Hộp	1	
7	Dung dịch rửa	Hóa chất vệ sinh đầu dò mẫu trên thiết bị tự động điện di mao quản 2 đầu di.	Hộp/1 x 25 ml	Hộp	3	
4. Hóa chất dùng cho Máy định nhóm máu + Tương thích và hoạt động được trên Máy có Ký mã hiệu: Matrix Card Centrifuge CC – 2400; Matrix Card Warmer CW -2400; Matrix Card Reader CR – 6800, Hãng nước sx: Tulip Diagnostics/Ấn Độ sẵn có của Bệnh viện.						
1	Thẻ xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO và kháng nguyên RhD	Thẻ định nhóm máu: ABO/RhD and Reverse Card ABO/RhD và Reverse Card bao gồm 8 vi cột gel đặt cạnh nhau chứa đầy sephadex . Kháng thể đơn dòng kháng A (Kháng thể IgM có nguồn gốc từ chuột, BIRMA-1), Kháng thể đơn dòng kháng B (kháng thể IgM có nguồn gốc từ chuột, LB-2), Kháng thể đơn dòng kháng D (Kháng thể IgM có nguồn gốc từ người, RUM-1) Dung dịch gel trung tính (cột Ctl) được sử dụng làm cột kháng nguyên. Cột 5 đến cột 8 chứa gel trung tính (cột N , cột N, cột Ac , cột Bc) và được sử dụng làm định nhóm ngược. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	8 cột/thẻ, 5x12 thẻ/hộp	Hộp	170	
2	Thẻ xét nghiệm định tính kháng nguyên hệ ABO và kháng nguyên RhD	Thẻ định nhóm máu: ABO/RhD Card Thành phần chính: Thẻ ABO/RhD bao gồm 8 cột gel siêu nhỏ đặt cạnh nhau chứa đầy sephadex . + Cột 1 và cột 5 chứa Kháng thể đơn dòng kháng A (kháng thể IgM có nguồn gốc từ chuột, BIRMA-1). + Cột 2 và cột 6 chứa kháng thể đơn dòng kháng B (kháng thể IgM có nguồn gốc từ chuột, LB-2). + Cột 3 và cột 7 chứa kháng thể đơn dòng kháng D (kháng thể IgM có nguồn gốc từ người, RUM-1). + Cột 4 và cột 8 được sử dụng làm cột Ctl đối chứng âm, chứa đầy sephadex trung tính.	8 cột/thẻ, 5x12 thẻ/hộp	Hộp	170	

3	Thẻ định nhóm máu hệ ABO	Thẻ định nhóm máu ABO Card - Thẻ ABO bao gồm 8 cột gel nhỏ xếp cạnh nhau chứa đầy sephadex. + Cột A chứa kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên A (kháng thể IgM có nguồn gốc từ chuột, BIRMA-1). + Cột B chứa kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên B (kháng thể IgM có nguồn gốc từ chuột, LB-2). Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	8 cột/thẻ, 5x12 thẻ/hộp	Hộp	160	
4	Thẻ xét nghiệm định tính kháng thể bất thường kháng hồng cầu	Thẻ định nhóm máu Coombs Card Thành phần chính: Sephadex và kháng thể kháng IgG, C3d đa đặc hiệu (Kháng thể IgG đa đặc hiệu có nguồn gốc từ thỏ/ Kháng thể IgM có nguồn gốc từ chuột BRIC-8 BRIC-8)	8 cột/ thẻ, 5x12 thẻ/hộp	Hộp	80	
5	Thẻ xét nghiệm định tính kháng thể của hệ ABO	Thẻ định nhóm máu Neutral Card Thành phần: Bao gồm 8 cột gel cạnh nhau được lấp đầy bằng một lượng bằng nhau sephadex trung tính và đệm. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	8 cột/ thẻ, 5x12 thẻ/hộp	Hộp	60	
6	Dung dịch pha loãng dùng trong xét nghiệm định nhóm máu	Dung dịch pha loãng Liss Thành phần chính: Natri clorua, Natri dihydrogen phosphate, Disodium hydrogen phosphate, Glycine và chất bảo quản natri azide. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	250ml/lọ	Lọ	100	
5. Hóa chất dùng cho máy Miễn dịch + Tương thích và hoạt động được trên Máy có Ký mã hiệu: AutoChem B861; AutoLumo A2000 Plus sẵn có của Bệnh viện.						
1	Bộ xét nghiệm định lượng AFP	Thuốc thử AFP CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzym liên hợp. Horseradish-peroxidase được dán nhãn kháng AFP đơn dòng của chuột trong dung dịch đệm Tris-NaCl có chứa huyết thanh bò. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	50	
2	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA125	Thuốc thử CA125 CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Horseradish-peroxidase đánh dấu chuột đơn dòng Anti-CA125 trong đệm PBS chứa casein và BSA (albumin huyết thanh bò). Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	20	
3	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA15-3	Thuốc thử CA15-3 CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Horseradish-peroxidase được dán nhãn chuột đơn dòng kháng CA15-3 trong đệm MES chứa huyết thanh bò. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	20	

4	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA19-9	Thuốc thử CA19-9 CLIA Microparticles Thành phần chính: Liên hợp enzym liên hợp. Horseradish-peroxidase được đánh dấu chuột đơn dòng kháng CA19-9 trong đệm Tris có chứa BSA (albumin huyết thanh bò). Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	30	
5	Bộ xét nghiệm định lượng CA72-4	Thuốc thử CA72-4 CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzyme liên hợp. HRP (horseradish peroxidase) được dán nhãn kháng CA72-4 đơn dòng của chuột trong dung dịch đệm Tris-HCl chứa gelatin cá. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	30	
6	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	Thuốc thử CEA CLIA Microparticles Thành phần chính: Liên hợp Enzyme. Horseradish-peroxidase được dán nhãn Anti-CEA đơn dòng của chuột trong đệm Tris có chứa huyết thanh bò. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	30	
7	Bộ xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1	Thuốc thử CYFRA21-1 CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Enzyme liên hợp HRP (horseradish peroxidase) được dán nhãn kháng CYFRA 21-1 đơn dòng của chuột trong dung dịch đệm Tris-NaCl chứa BSA (albumin huyết thanh bò) và casein. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	30	
8	Bộ xét nghiệm định lượng PSA tự do	Thuốc thử fPSA CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Horseradish-peroxidase được dán nhãn kháng fPSA đơn dòng của chuột trong bộ đệm Tris-HCl có chứa BSA và casein. Chứa 2% ProClin 300® và 0,2% chất bảo quản Bronidox. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	20	
9	Bộ xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô tế bào vảy (SCCA)	Thuốc thử SCCA CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzym liên hợp. HRP (horseradish peroxidase) được gắn nhãn là kháng thể đơn dòng chuột kháng SCCA trong đệm MES có chứa huyết thanh bò. Chứa một số chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	20	
10	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt (tPSA)	Thuốc thử tPSA CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Peroxidase củ cải ngựa được gắn nhãn là kháng thể đơn dòng chuột Anti-PSA trong đệm Tris-HCl có chứa BSA và casein. Chứa 2% ProClin 300® và 0,2% chất bảo quản Bronidox. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	20	

11	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B	Thuốc thử Anti-HBs CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Horseradish-peroxidase được dán nhãn HBsAg trong đệm Tris-NaCl chứa casein và BSA (albumin huyết thanh bò). Chứa chất bảo quản ProClin 300®. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	15	
12	Thuốc thử, vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng virus viêm gan C	Thuốc thử Anti-HCV CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzym liên hợp: Horseradish-peroxidase được dán nhãn IgG kháng người đơn dòng của chuột trong đệm PBS và casein. Chứa 0,5% ProClin 300® và 1% chất bảo quản Bronidox. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	120	
13	Bộ xét nghiệm định tính kháng nguyên p24 và kháng thể kháng HIV-1 và/hoặc HIV-2	Thuốc thử HIV Ag/Ab Combo CLIA Microparticles Thành phần chính: Chứa men cải ngựa-peroxidase đánh dấu HIV-1 (Nhóm M và Nhóm O) / kháng nguyên HIV-2 và streptavidin trong đệm Tris-HCl có chứa các protein có nguồn gốc từ bò. Chứa chất bảo quản ProClin 300®. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	100	
14	Bộ xét nghiệm định lượng HBeAg	Thuốc thử HBeAg CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Horseradish-peroxidase được dán nhãn kháng HBe đơn dòng của chuột trong bộ đệm Tris-NaCl có chứa casein. Chứa chất bảo quản ProClin 300®. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	18	
15	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng nguyên về mặt virus viêm gan B (HBsAg)	Thuốc thử HBsAg CLIA Microparticles Thành phần: - Chất hiệu chuẩn: 6 lọ, mỗi lọ chứa 1,0 ml chất chuẩn A đến F. Ma trận là Tris-NaCl chứa huyết tương người đã bất hoạt bằng nhiệt, dương tính với HBsAg và BSA (albumin huyết thanh bò). - Gói thuốc thử + Enzyme liên hợp: Kháng thể đa dòng kháng HBs đã được gắn nhãn peroxidase cải ngựa trong đệm PBS (dung dịch đệm phosphat) có chứa casein và BSA (albumin huyết thanh bò). Chứa chất bảo quản ProClin 300®.	100 test/Hộp	Hộp	150	
16	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể kháng thyroglobulin	Thuốc thử Anti-TG CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzym liên hợp: Kháng thể IgG người được gắn nhãn peroxidase cải ngựa trong đệm Tris NaCl có chứa huyết thanh bò. Chứa một số chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	20	

17	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine tự do	Thuốc thử FT3 CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzym liên hợp. Chất chống T3 được gắn nhãn peroxidase cải ngựa trong đệm BIS-Tris-Propane-NaCl có chứa BSA (albumin huyết thanh bò). Chứa chất bảo quản ProClin® 300 và Bronidox. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	30	
18	Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroxine tự do	Thuốc thử FT4 CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzym liên hợp. Cải ngựa-peroxidase được gắn nhãn anti-T4 trong đệm Tris-NaCl có chứa BSA (albumin huyết thanh bò). Chứa một số chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	30	
19	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Thyroglobulin	Thuốc thử TG CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzym liên hợp. Horseradish-peroxidase được gắn nhãn anti-TG trong đệm Tris-NaCl có chứa BSA. Chứa một số chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	20	
20	Thuốc thử xét nghiệm định lượng hormone kích thích tuyến giáp	Thuốc thử TSH CLIA Microparticles Thành phần chính: + Enzyme liên hợp: Horseradish peroxidase (HRP) được gắn nhãn với kháng thể kháng TSH, trong đệm Tris-NaCl có chứa huyết thanh bò. Có chứa một số chất bảo quản. + Dung dịch vi hạt: Các vi hạt được phủ kháng thể đơn dòng chuột kháng TSH trong đệm PBS (phosphate buffered saline) có chứa BSA (albumin huyết thanh bò). Có chứa một số chất bảo quản + Dung dịch pha loãng: Đệm Tris-NaCl chứa huyết thanh bò. Chứa một số chất bảo quản Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016, CE	100 test/Hộp	Hộp	30	
21	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PTH để chẩn đoán cường cận giáp, loạn dưỡng xương, suy cận giáp...	Thuốc thử PTH CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzym liên hợp. Peroxidase cải ngựa được gắn nhãn anti-PTH trong dung dịch đệm Tris-NaCl có chứa BSA. Chứa một số chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	10	
22	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ Vitamin B12	Thuốc thử Vitamin B12 CLIA Microparticles Thành phần chính: Chứa kháng thể yếu tố nội tại được đánh dấu peroxidase từ cải ngựa trong dung dịch đệm Tris-HCl có chứa BSA. Chứa nhiều chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	15	
23	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cortisol	Thuốc thử Cortisol CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzym liên hợp. Chứa kháng nguyên Cortisol được gắn nhãn peroxidase cải ngựa trong đệm MES có chứa casein. Chứa một số chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	20	

24	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Insulin	Thuốc thử Insulin CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzym liên hợp. Kháng thể đơn dòng IgG kháng người của chuột được gắn nhãn peroxidase cải ngựa trong đệm Tris-HCl có chứa huyết thanh bò. Chứa một số chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	20	
25	Thuốc thử xét nghiệm định lượng N-terminal pro B-type natriuretic peptide	Thuốc thử NT-proBNP CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzym liên hợp. Kháng thể NT-proBNP đơn dòng của chuột được gắn nhãn HRP (horseradish peroxidase) trong đệm Tris-NaCl có chứa BSA (bovine serum albumin). Chứa một số chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	40	
26	Bộ xét nghiệm định lượng β -hCG	Thuốc thử β -HCG CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Kháng thể anti- β -hCG được gắn nhãn peroxidase cải ngựa trong đệm PBS có chứa BSA (albumin huyết thanh bò). Chứa một số chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	15	
27	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PCT (Procalcitonin)	Thuốc thử PCT CLIA Microparticles Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Kháng thể đơn dòng PCT được dán nhãn HRP (horseradish peroxidase) của chuột trong dung dịch đệm Tris-NaCl chứa BSA. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	50	
28	Thuốc thử xét nghiệm định lượng tIgE	Thuốc thử tIgE CLIA Microparticles Thành phần: +Dung dịch vi hạt: phủ bằng kháng thể đơn dòng kháng IgE có nguồn gốc từ chuột, được bảo quản trong dung dịch đệm Tris-HCl có chứa BSA (albumin huyết thanh bò) +Enzym liên hợp: Kháng thể đơn dòng kháng IgE có nguồn gốc từ chuột được gắn nhãn enzyme HRP (horseradish peroxidase) trong dung dịch đệm Tris-NaCl chứa BSA (albumin huyết thanh bò). +Pha loãng mẫu: Tris NaCl chứa BSA +Chất hiệu chuẩn: Đông khô, ổn định 7 ngày sau khi hoàn nguyên Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	100 test/Hộp	Hộp	20	

29	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng CCP	<ul style="list-style-type: none"> - Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng CCP - Enzym liên hợp: Kháng thể chuột kháng IgG người được gắn enzyme horseradish peroxidase (HRP), trong dung dịch đệm Tris-NaCl có chứa BSA (albumin huyết thanh bò). Có chứa chất bảo quản ProClin® 300 ở nồng độ 0.003% và Bronidox ở nồng độ 0.1%. - Độ nhạy: <ul style="list-style-type: none"> + Giới hạn của mẫu trắng: 0.5 AU/mL. + Giới hạn phát hiện: 2.0 AU/mL. + LoQ: LoQ được định nghĩa là nồng độ IgG kháng CCP có thể đo được với CV giữa các xét nghiệm là 20%. Độ nhạy chức năng của xét nghiệm này là 8.0 AU/mL. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	50 test x 2/Hộp	Hộp	20	
30	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng CCP	<ul style="list-style-type: none"> - Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng CCP được sử dụng để hiệu chỉnh xét nghiệm định lượng Anti-CCP IgG CLIA Microparticles. - Thành phần: Dung dịch đệm có chứa kháng thể dương tính với Anti-CCP IgG. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	1.0 mL×2 lọ	Hộp	3	
31	Hóa chất dùng cho máy phân tích miễn dịch	Dung dịch pha loãng Diluent Universal Nguyên lý đo lường Sản phẩm này là dung dịch có áp suất thẩm thấu tương tự như dịch cơ thể. Chất dịch cơ thể không dễ bị phân hủy và mẫu lâm sàng sau khi pha loãng không bị ảnh hưởng. Thành phần chính: NaCl buffer Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	250 mL×4 lọ	Hộp	35	
32	Hóa chất dùng cho máy phân tích miễn dịch	Dung dịch đệm Wash Buffer Thành phần chính: Phosphate buffer Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	500 mL×4 lọ	Hộp	30	
33	Hóa chất dùng cho máy phân tích miễn dịch	Dung dịch rửa System wash <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích sử dụng: Dung dịch cô đặc dùng để vệ sinh pipet mẫu trong quá trình phản ứng phát hiện chất đo cho xét nghiệm phát hiện chẩn đoán trong ống nghiệm. - Nguyên lý đo lường: Dung dịch vệ sinh kiềm. Trước khi pipet mẫu hút mẫu, mẫu được rửa sạch bằng natri hydroxit để khử các kháng thể hoặc kháng nguyên từ lần xét nghiệm trước. Đảm bảo loại bỏ cặn tốt hơn; ngăn ngừa nhiễm chéo và loại bỏ tác động đến việc lấy mẫu liên tục. Thành phần chính: Sodium Hydroxide Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	25 mL×12 lọ	Hộp	35	
34	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Cóng phản ứng Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	1.000 cái	Túi	150	

35	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 25 thông số nội tiết	Vật liệu kiểm soát chất lượng các Thuốc thử tuyến giáp mức 1 Kiểm tra các xét nghiệm như: T3, T4, FT3, FT4, TSH, TG, PRL, LH, HGH, ACTH, Cortisol, Folate, 25-OH Vitamin D, FSH, PRG, Testosterone, E2, C-Peptide, Insulin, 17 α -OHP, DHEA-S, IGF-1, Aldosterone, β -hCG, Vitamin B12 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	6 x 3.0 mL	Hộp	14	
36	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 25 thông số nội tiết	Vật liệu kiểm soát chất lượng các Thuốc thử tuyến giáp mức 2 Kiểm tra các xét nghiệm như: T3, T4, FT3, FT4, TSH, TG, PRL, LH, HGH, ACTH, Cortisol, Folate, 25-OH Vitamin D, FSH, PRG, Testosterone, E2, C-Peptide, Insulin, 17 α -OHP, DHEA-S, IGF-1, Aldosterone, β -hCG, Vitamin B12 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	6 x 3.0 mL	Hộp	14	
37	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 25 thông số nội tiết	Vật liệu kiểm soát chất lượng các Thuốc thử tuyến giáp mức 3 Kiểm tra các xét nghiệm như: T3, T4, FT3, FT4, TSH, TG, PRL, LH, HGH, ACTH, Cortisol, Folate, 25-OH Vitamin D, FSH, PRG, Testosterone, E2, C-Peptide, Insulin, 17 α -OHP, DHEA-S, IGF-1, Aldosterone, β -hCG, Vitamin B12 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	6 x 3.0 mL	Hộp	14	
38	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 8 dấu ấn tim mạch	Kiểm soát chất lượng xét nghiệm để theo dõi độ chính xác các dấu ấn tim mạch, các chất phân tích cụ thể như CK-MB, cTnI, cTnT, hs-CRP, BNP, NT-proBNP, H-FABP và MYO Thành phần: Huyết thanh người chứa CK-MB, cTnI, cTnT, hs-CRP, BNP, NT-proBNP, H-FABP và MYO, cùng chất bảo quản natri azide 0,02%. - Độ định sau hoàn nguyên: 7 ngày trừ BNP, cTnI: 3 ngày Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016	6 x 2.0 mL	Hộp	14	
39	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 8 dấu ấn tim mạch	Kiểm soát chất lượng xét nghiệm để theo dõi độ chính xác các dấu ấn tim mạch, các chất phân tích cụ thể như CK-MB, cTnI, cTnT, hs-CRP, BNP, NT-proBNP, H-FABP và MYO Thành phần: Huyết thanh người chứa CK-MB, cTnI, cTnT, hs-CRP, BNP, NT-proBNP, H-FABP và MYO, cùng chất bảo quản natri azide 0,02%. - Độ định sau hoàn nguyên: 7 ngày trừ BNP, cTnI: 3 ngày Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016	6 x 2.0 mL	Hộp	14	
40	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 8 dấu ấn tim mạch	Kiểm soát chất lượng xét nghiệm để theo dõi độ chính xác các dấu ấn tim mạch, các chất phân tích cụ thể như CK-MB, cTnI, cTnT, hs-CRP, BNP, NT-proBNP, H-FABP và MYO Thành phần: Huyết thanh người chứa CK-MB, cTnI, cTnT, hs-CRP, BNP, NT-proBNP, H-FABP và MYO, cùng chất bảo quản natri azide 0,02%. - Độ định sau hoàn nguyên: 7 ngày trừ BNP, cTnI: 3 ngày Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016	6 x 2.0 mL	Hộp	14	
41	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 20 thông số miễn dịch	Vật liệu kiểm soát chất lượng các Thuốc thử miễn dịch chung mức 1 Kiểm tra các xét nghiệm như: AFP, CEA, CA125, CA19-9, CA15-3, CA50, tPSA, fPSA, PGII, β -HCG, Ferritin, CA72-4, NSE, SCCA, Cyfra 21-1, CA242, HE4, PGI, β 2-Microglobulin, TG. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	6 x 3.0 mL	Hộp	16	

42	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 20 thông số miễn dịch	Vật liệu kiểm soát chất lượng các Thuốc thử miễn dịch chung mức 2 Kiểm tra các xét nghiệm như: AFP, CEA, CA125, CA19-9, CA15-3, CA50, tPSA, fPSA, PGII, β -HCG, Ferritin, CA72-4, NSE, SCCA, Cyfra 21-1, CA242, HE4, PGI, β 2-Microglobulin, TG. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	6 x 3.0 mL	Hộp	16	
43	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 20 thông số miễn dịch	Vật liệu kiểm soát chất lượng các Thuốc thử miễn dịch chung mức 3 Kiểm tra các xét nghiệm như: AFP, CEA, CA125, CA19-9, CA15-3, CA50, tPSA, fPSA, PGII, β -HCG, Ferritin, CA72-4, NSE, SCCA, Cyfra 21-1, CA242, HE4, PGI, β 2-Microglobulin, TG. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	6 x 3.0 mL	Hộp	16	
44	Chất phát quang dùng cho máy phân tích miễn dịch	Chất phát quang Được sử dụng kết hợp với bộ dụng cụ thuốc thử phù hợp dựa trên công nghệ xét nghiệm miễn dịch vi hạt phát quang hóa học (CLIA Microparticles) để phát hiện các phép đo phụ vụ chẩn đoán trong ống nghiệm. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	110ml x 2 bộ	Hộp	28	
6. Hóa chất dùng cho Hệ thống tách chiết Axit Nucleic và Realtime PCR tự động hoàn toàn + Tương thích và hoạt động được trên Máy có Ký mã hiệu: Elite InGenius, Hãng nước sx: Precision System Science Co., Ltd/Nhật Bản sẵn có của Bệnh viện.						
1	Hóa chất tách chiết mẫu 600 μ L - 1000 μ L	Hóa chất tách chiết acid nucleic cho mẫu bệnh phẩm từ 600 μ L - 1000 μ L, sử dụng phù hợp cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn.	48 test/Hộp	Hộp	20	
2	Cassette phản ứng	Cassette phản ứng PCR dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn.	192 test/Hộp	Hộp	5	
3	Bộ xét nghiệm Real-time PCR định lượng virus HIV	*Bộ xét nghiệm phiên mã ngược axit nucleic và khuếch đại định lượng để phát hiện và định lượng RNA của Virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 (HIV1) trong các mẫu RNA được tách chiết từ các mẫu bệnh phẩm. Xét nghiệm có thể phát hiện RNA của HIV1 thuộc nhóm M (loại A, B, C, D, F, G, H, J, K, L), nhóm O, nhóm N và loại CRF chính CRF01-AE, CRF02-AG và CRF03-AB. * Thành phần: HIV PCR Mix: 4 ống x 600 μ L RT EnzymeMix: 2 ống x 20 μ L HIV1 Q - PCR Standard 10 ⁵ : 1 ống x 160 μ L HIV1 Q - PCR Standard 10 ⁴ : 1 ống x 160 μ L	96test/Hộp	Hộp	10	
4	Đầu côn có lọc loại 300 μ L	Đầu côn có lọc loại 300 μ L cho bộ tách chiết dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn	960 tip/Hộp	Hộp	2	
5	Bộ vật tư tiêu hao tách chiết	Bộ vật tư tiêu hao tách chiết dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn.	48 test/Hộp	Hộp	20	
6	Lọ trữ đông có nắp	Lọ trữ đông lạnh 2.0ml, tiệt trùng, có nắp dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn. Quy cách:	5000 Cái/hộp.	Hộp	1	